

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 129/2025/HS-ST.

Ngày: 27-6-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1995 tại An Giang;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang; Nơi sinh sống: Phòng trọ Trung Hòa, Ấp 3, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Huỳnh Thị Bé T; Có chồng tên: Nguyễn Hữu M và có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/8/2024 đến ngày 05/9/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp 4, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Đơn D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 26, Ấp 3, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp 2, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Thị V là công nhân của Công ty Cụm Hồng tại Khu công nghiệp Long Thành thuộc xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Trong lúc nói chuyện, D biết chị V để các giấy cầm cố vàng trong cốp xe mô tô biển số 69D1-244.54 nên nảy sinh ý định lấy các giấy cầm vàng để bán lấy tiền chênh lệch. Thực hiện ý định, khoảng 17 giờ ngày 14/8/2024, D đi đến tủ đồ cá nhân (không khóa) của chị V lên rút lấy chìa khóa xe mô tô trên rồi đi đến nhà xe của Công ty mở cốp xe mô tô của chị V lấy 05 tờ giấy cầm vàng gồm: 01 giấy cầm 01 bộ vòng xi-men 07 chiếc với giá cầm 22.000.000 đồng; 01 giấy cầm 01 bộ vòng xi-men 07 chiếc với giá cầm 22.000.000 đồng; 01 giấy cầm vàng là 01 sợi dây chuyền nam và 01 nhẫn vàng nam với giá cầm 30.000.000 đồng; 01 giấy cầm vàng là sợi dây chuyền nữ với giá cầm 11.000.000 đồng; 01 giấy cầm vàng là 01 nhẫn nữ với giá cầm 2.000.000 đồng. Sau đó, D bỏ tất cả các giấy cầm vàng trên giấu vào túi quần rồi quay lại làm việc.

Đến 06 giờ 30 ngày 15/8/2024, D mang 02 giấy cầm vàng gồm 01 giấy cầm 01 bộ vòng xi-men và 01 giấy cầm 01 nhẫn nữ đến tiệm cầm đồ “Dương” do Trần Thị Đơn D ở ấp 3, xã TA, huyện LT làm chủ để bán luôn số vàng đã cầm ở trong giấy cầm cố. Chị Dương trừ đi số tiền đã cầm cố và tiền lãi phải đóng, đưa lại cho D số tiền 6.221.000 đồng đổi với 01 bộ vòng ximen và 1.545.000 đồng đổi với chiếc nhẫn nữ.

Tiếp tục, đến khoảng 11 giờ 30 ngày 15/8/2024, D nhờ ông Nguyễn Văn T mang giấy cầm vàng 01 sợi dây chuyền nam và 01 nhẫn nam đến tiệm cầm đồ “Dương” bán lấy số tiền 14.083.000 đồng, ông T đưa hết số tiền trên cho D và D cho ông T 100.000 đồng rồi nhờ ông T chuyển số tiền 10.000.000 đồng mới bán vàng được vào số tài khoản 5911205331128 Ngân hàng Agribank của D.

Đến Khoảng 18 giờ ngày 15/8/2024, D tiếp tục đem 01 giấy cầm vàng 01 sợi dây chuyền nữ đến tiệm cầm đồ “Dương” bán được 5.225.000 đồng.

Đến khoảng 12 giờ ngày 21/8/2024, D tiếp tục đưa giấy cầm đồ 01 bộ xi-men cho ông T đến tiệm cầm đồ Dương cầm thêm số tiền 3.000.000 đồng rồi đem về đưa cho D.

Đến 18 giờ ngày 23/8/2024, D nhờ 01 người thanh niên nhân viên giao hàng (không rõ nhân thân, lại lịch) đứng trước cổng Công ty Cụm Hồng mang giấy cầm vàng 01 bộ vòng xi-men đến tiệm cầm đồ Dương bán được D được 4.467.000 đồng (đã trừ chênh lệch), D trả người thanh niên giao hàng 30.000 đồng tiền công.

Ngày 27/8/2024, chị Nguyễn Thị V đến Công an xã Tam An trình báo sự việc. Đến 15 giờ ngày 27/8/2024, Nguyễn Thị Mỹ D đến Công an xã Tam An đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tổng số tiền D chiếm đoạt sau khi bán 05 giấy cầm cố vàng nêu trên là 34.541.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 94/KL-HĐĐGTS ngày 30/9/2024 của Hội đồng định giá tố tụng huyện Long Thành kết luận:

- + 01 nhẫn nữ bằng vàng 18K, nặng 7 phân 8 li (đã qua sử dụng), có trị giá 3.506.000 đồng;
- + 01 bộ vòng xi-men bằng vàng 18K, nặng 6 chỉ 5 phân (đã qua sử dụng), có trị giá 29.220.000 đồng;
- + 01 dây chuyền nữ bằng vàng 18K, nặng 3 chỉ 6 phân (đã qua sử dụng), có trị giá: 16.182.000 đồng;
- + 01 dây chuyền nam bằng vàng 18K, nặng 5 chỉ 3 phân (đã qua sử dụng), có trị giá 23.823.000 đồng;
- + 01 nhẫn nam bằng vàng 18K, nặng 4 chỉ 3 phân (đã qua sử dụng), có trị giá 19.328.000 đồng;
- + 01 bộ vòng xi men bằng vàng 18K, nặng 6 chỉ 8 phân (đã qua sử dụng), có trị giá 30.940.000 đồng.

Tổng cộng: 122.999.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Về vật chứng, tài sản tạm giữ: Tài sản chiếm đoạt đã bán, không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D đã bồi thường xong cho bị hại Nguyễn Thị V và được bị hại viết đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 269/CT-VKSLT ngày 14 tháng 11 năm 2024 và văn bản số 209/VKSLT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D mức án tù 14 (mười bốn) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về vật chứng, tài sản tạm giữ: Tài sản chiếm đoạt đã bán, không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến khiếu nại đối với hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 17 giờ ngày 14/8/2024, tại Công ty Cụ Hồng tại Khu công nghiệp Long Thành thuộc xã

TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Thị Mỹ D có hành vi lén lút chiếm đoạt 05 giấy cầm đồ (cầm vàng) của chị Nguyễn Thị V là công nhân làm chung, mục đích mang giấy cầm đồ bán tài sản lấy tiền chênh lệch. Sau đó, D trực tiếp và nhờ ông Nguyễn Văn T và 01 người thanh niên nhân viên giao hàng (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đến tiệm cầm đồ “Đương” do chị Trần Thị Đơn D làm chủ tại ấp 3, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai bán số vàng trong giấy cầm đồ rồi chiếm đoạt số tiền chênh lệch là 34.541.000 đồng. Ngày 27/8/2024, chị Nguyễn Thị V đến Công an xã Tam An trình báo sự việc. Đến 15 giờ ngày 27/8/2024, Nguyễn Thị Mỹ D đến Công an xã Tam An đầu thú thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng hưởng thụ, lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu cá nhân và trả nợ của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp quy định của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về biện pháp tư pháp: Tài sản bị chiếm đoạt đã bán, không thu hồi được.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Văn T có hành vi mang giấy cầm vàng đi bán giùm cho Nguyễn Thị Mỹ D để lấy tiền công nhưng ông T không biết chữ, không biết những giấy cầm vàng là do D phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với người thanh niên nhân viên giao hàng có hành vi mang giấy cầm vàng đi bán giùm cho Nguyễn Thị Mỹ D nhưng chưa xác định được họ tên, địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 38, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D **01** (một) năm **02** (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam, giữ chấp hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2024 đến ngày 05/9/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Đơn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CQĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL, NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng

